

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TV
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 26-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

Ông Cao Minh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Châu Nguyệt D**, sinh năm 1953. (có mặt)

Địa chỉ: Số 38 T, Khóm A, Phường C, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

2. **Bị đơn:** Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 475 Đ, Khóm B, Phường A, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1950. (vắng mặt)

3.2. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A1.4+A1.5 Đường H, Khu Q, Phường A, thành phố TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2024 và lời khai của bà Châu Nguyệt D là nguyên đơn trình bày:

Bà Châu Nguyệt D làm đầu thảo hui, mở nhiều dây hui trên địa bàn thành phố TV nhiều năm nay. Trong đó, có dây hui tháng 10.000.000 đồng, 21 phần, hui bắt đầu khai vào ngày 10/9/2019 (nhằm ngày 12/8/2019 âm lịch), mǎng hui vào ngày 23/4/2021 (nhằm ngày 12/3/2021 âm lịch) (nhuần hai tháng 4). Bà Nguyễn Thị H1 (Hai Mạnh) có tham gia 01 phần và hót lần thứ 3 vào ngày 08/11/2019 (nhằm ngày 12/10/2019 âm lịch) với tổng số tiền là 164.500.000 đồng (bỏ thăm hui 1.750.000 đồng). Khi đó, bà H1 có dẫn theo người con trai ruột là Nguyễn Văn L và con dâu Trần Thị H nói là vô hui cho con trai và con dâu nên phần hui này con dâu của bà H1 ký nhận tiền hui và có ký tên trong sổ hui. Còn bà H1 là người đứng ra bảo lãnh, bà D đồng ý vì bà H1 tham gia hui nhiều năm nên bà D có sự tin tưởng. Bà H1 đóng hui chết còn lại 08 lần (80.000.000 đồng). Có thời điểm dịch covid nên bà H1 xin trả 01 tháng 05 triệu đồng, thường gửi cho con dâu bà D ngoài chợ và bà D đã đồng ý. Bà H1 gửi được 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng thì không đóng tiếp. Hiện tại còn nợ bà D số tiền hui 35.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà D số tiền hui còn nợ là 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà D chỉ yêu cầu bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền hui còn nợ là 35.000.000 đồng. Bởi vì, người ký biên nhận tiền hui là Trần Thị H và tên trong danh sách hui viên là “H 2 Mạnh”.

Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày và có yêu cầu như sau: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Châu Nguyệt D thì bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D. Bởi vì, bà H1 không có chơi hui và không có nhận tiền hui của bà D nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà D.

Ông Nguyễn Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Nguyệt D. Buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Châu Nguyệt D số tiền hui còn nợ là 35.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Châu Nguyệt D. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”. Vụ án có bị đơn bà Trần Thị H cư trú tại Khóm B, Phường A, thành phố TV, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TV theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn L, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố TV đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà Châu Nguyệt D về việc yêu cầu bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Dung số tiền hội còn nợ là 35.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2019 (nhằm ngày 12/8/2019 âm lịch), bà Châu Nguyệt D có mở dây hội tháng 10.000.000 đồng, gồm 21 phần, có 20 người tham gia. Hoa hồng cho đầu thảo là 4.000.000 đồng. Trong Danh sách hội viên được trích từ sổ hội do bà D cung cấp thể hiện “H Hai Mạnh” có tham gia 01 phần. Hội bắt đầu khai vào ngày 10/9/2019 (nhằm ngày 12/8/2019 âm lịch) và mãng hội vào ngày 23/4/2021 (ngày 12/3/2021 âm lịch). Bà H hốt hội lần thứ 3 vào ngày 08/11/2019 (nhằm ngày 12/10/2019 âm lịch) với số tiền là 164.500.000 đồng (bỏ thăm hội 1.750.000 đồng). Bà D giao tiền hội 164.500.000 đồng cho bà Trần Thị H (có biên nhận). Tính đến ngày xét xử thì bà H còn nợ bà D số tiền góp hội là 35.000.000 đồng.

Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Bà H cho rằng bà không có tham gia dây dọi ngày 10/9/2019 (nhằm ngày 12/8/2019 âm lịch). Bà H thừa nhận chữ ký trong biên nhận nhận số

tiền 164.500.000 đồng là của bà H, còn chữ viết thì không phải của bà H. Bà H nhớ là chỉ có nhận 01 lần nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu. Đối với số tiền bà H nhận của bà D thì bà D đã khởi kiện bằng một vụ kiện khác, không phải số tiền 164.500.000 đồng. Dây hụi trên do bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn L tham gia không liên quan đến bà H. Căn cứ vào bản tự khai ngày 30/10/2024 của bà Nguyễn Thị H1, bà H1 khai không có chơi hụi và không có nhận tiền hụi của bà Châu Nguyệt D nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà D.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ngoài lời trình bày của bà Trần Thị H, thì bà H không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh bà H không có tham gia góp hụi mở ngày 10/9/2019 (nhằm ngày 12/8/2019 âm lịch) với bà D. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập, đủ cơ sở xác định người tham gia trong giao dịch góp hụi với bà Châu Nguyệt D là bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H là người trực tiếp nhận tiền hụi do bà D giao. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền hụi 35.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu án phí là 1.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 94; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Nguyệt D.

Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Nguyệt D số tiền hụi còn nợ là 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải chịu án phí là 1.750.000 đồng.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.TV;
- Chi cục THADS TP. TV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Bùi Thảo Nguyên